

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.
2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992. (Có mặt)
Địa chỉ: Khu vực B, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh Tr**, sinh năm 1994. (Có mặt)
Địa chỉ: Khu vực B, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.
Chỗ ở hiện nay: Số 500, ấp H, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2017 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2015, anh và chị Nguyễn Thị Huỳnh Tr sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 30/7/2015.

Cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Tr hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn vào cuối năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng bất hòa về tình cảm nên thường hay cãi nhau. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Tr và con đã về nhà cha mẹ chị sống và đã ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Trong suốt thời gian ly thân, anh chị đã không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngọc Thùy D (nữ), sinh ngày 16/9/2015 hiện chị Tr đang nuôi dưỡng. Anh đồng ý tiếp tục giao cháu D cho chị Tr nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 800.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 28/12/2017, bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh Tr trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Theo chị, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã nhau. Vào ngày 13/9/2016, chị và con về nhà cha mẹ ruột chị ở một thời gian, anh T chỉ đến thăm con 01 lần, anh không chu cấp tiền để phụ nuôi con. Do chị vẫn còn thương anh T nên sau một thời gian chị có quay về nhà riêng của vợ chồng để hàn gắn với anh T nhưng lúc này anh T đã dọn sang ở cùng với cha mẹ ruột nên chị mới quay lại nhà cha mẹ của chị sống cho đến nay. Vì con chung còn nhỏ và chị vẫn còn thương anh T nên chị không đồng ý ly hôn. Trong thời gian qua, do chị bận công việc và anh T cũng không tạo điều kiện nên chị không có cơ hội hàn gắn tình cảm với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngọc Thùy D (nữ), sinh ngày 16/9/2015 hiện chị đang nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu D đến trưởng thành, chị đồng ý việc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 800.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị . Đồng thời đồng ý cho chị Tr được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 800.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có.

- Bị đơn chị Tr không đồng ý ly hôn với anh T, chị Tr yêu cầu được đoàn tụ. Trường hợp phải ly hôn, chị thống nhất ý kiến với sự thỏa thuận của anh T về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Huỳnh Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, anh T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Tr chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2015, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế nên thường hay cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời, chỉ vì mâu thuẫn của anh và chị Tr mà gia đình anh và gia đình chị Tr cũng đã mâu thuẫn với nhau, cuộc hôn nhân này đã không còn được gia đình ủng hộ và hiện anh cũng không còn tình cảm với chị Tr nên việc anh và chị Tr quay về chung sống với nhau là không thể được. Do đó, anh yêu cầu được ly hôn với chị Tr.

Về phía chị Tr cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu do bất hòa về tình cảm nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng, không nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, chị vẫn còn tình cảm với anh T nên chị không đồng ý ly hôn, và lại con chung còn nhỏ nên chị yêu cầu anh T tạo

điều kiện cho chị có thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đồng ý.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, do chị Tr có nguyện vọng được đoàn tụ nên Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để các đương sự có cơ hội hàn gắn tình cảm với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian đó, chị Tr đã không có hành động gì cụ thể thể hiện chị muốn hàn gắn tình cảm với anh T và cho đến nay chị Tr cũng không đưa ra được biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã động viên nhưng anh T vẫn cương quyết ly hôn với chị Tr. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy D (nữ), sinh ngày 16/9/2015.

Hiện nay cháu D đang sống chung với chị Tr. Anh T và chị Tr đã thỏa thuận giao cháu D cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 800.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật và có đảm bảo các quyền lợi chính đáng của cháu D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh T quyền được quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Anh T rút lại yêu cầu chia tài sản chung; đồng thời chị Tr cũng thống nhất và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị Tr cùng thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 và Điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh Tr.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thùy D (nữ), sinh ngày 16/9/2015 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Anh T và chị Tr cùng thống nhất việc anh T rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị Tr cùng thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

Sau khi khấu trừ số tiền 1.550.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001587 ngày 22/11/2017, anh T được nhận lại số tiền 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P.Long Hưng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế